

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực đường bộ, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2536/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ (nhóm A) mới ban hành trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý đường bộ, trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đối với đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 187/TTr-SXD ngày 01 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực đường bộ, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng thực hiện niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính nội bộ tại cơ quan, công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của đơn vị.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan và công khai trên Trang thông tin điện tử thành phần của xã, phường, đặc khu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (*báo cáo*);
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: PCVP, CNXD;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC.VTTV

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Hoàng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ,
HẠ TẦNG KỸ THUẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

STT	Mã số TTHC nội bộ	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định TTHC nội bộ	Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết
1	6.003467	Điều chỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và trạng thái kỹ thuật đường ngang	Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	6.003488	Công bố quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc	Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Mã số TTHC nội bộ	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định TTHC nội bộ	Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết
			nghe vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	
3	6.003491	Công bố quyết định kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc	Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng nghỉ trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Mã số TTHC nội bộ	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định TTHC nội bộ	Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết
4	6.003494	Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với đường quốc lộ và đường bộ cao tốc	Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan đại diện chủ sở hữu công trình đường bộ
5	6.003502	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục	Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;	- Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Ủy ban nhân dân cấp

STT	Mã số TTHC nội bộ	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định TTHC nội bộ	Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết
		hậu quả thiên tai đối với quốc lộ, đường cao tốc	Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	xã. - Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với công trình đường bộ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (NHÓM A) LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT

STT	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định TTHC nội bộ	Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết
1	Thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý	- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước. - Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.	Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý	- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước. - Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12	Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định TTHC nội bộ	Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết
		năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.	
3	Thủ tục phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý	- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước. - Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.	Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã
4	Thủ tục phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý	- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước. - Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.	Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục điều chỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và trạng thái kỹ thuật đường ngang

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ; doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ gửi số liệu về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Khu Quản lý đường bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ gửi số liệu về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ về Cục Đường bộ Việt Nam.

- Cục Đường sắt Việt Nam gửi số liệu về trạng thái kỹ thuật đường ngang của mạng lưới đường sắt về Cục Đường bộ Việt Nam.

- Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đường bộ do địa phương quản lý) công bố, cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Đường bộ Việt Nam cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và trạng thái kỹ thuật của đường ngang trong phạm vi cả nước trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản cung cấp số liệu của các Khu Quản lý đường bộ; Cục Đường sắt Việt Nam; Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được số liệu.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Khu Quản lý đường bộ.

- Cục Đường sắt Việt Nam.

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đường bộ do địa phương quản lý).

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật đường ngang trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam, Trang thông tin điện tử của tỉnh.

h) *Phí, Lệ phí*: Không có.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không có.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không có.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

2. Thủ tục công bố quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc

a) *Trình tự thực hiện*: Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai.

b) *Cách thức thực hiện*: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) *Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ*: Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Thành phần hồ sơ:

+ Dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia.

+ Văn bản của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) *Thời hạn giải quyết*: Căn cứ quy chế về công tác văn thư tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:

- Ban chỉ huy phòng thủ dân sự.

- Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) *Cơ quan, người giải quyết thủ tục hành chính*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với tuyến đường bộ do địa phương quản lý).

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.

3. Thủ tục công bố quyết định kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc

a) Trình tự thực hiện: Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản Ban chỉ huy phòng thủ dân sự hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Căn cứ quy chế về công tác văn thư tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Ban chỉ huy phòng thủ dân sự.

- Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) *Cơ quan, người giải quyết thủ tục hành chính:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định công bố kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc.

h) *Phí, Lệ phí:* Không có.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không có.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không có.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chờ hành khách và xe ô tô.

4. Thủ tục công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với đường quốc lộ và đường bộ cao tốc

a) *Trình tự thực hiện:*

- Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân các cấp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp (đối với tuyến đường bộ do địa phương quản lý).

- Cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu công trình đường bộ tham mưu người đứng đầu cơ quan các quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp (đối với công trình đường bộ do doanh nghiệp được nhà nước giao theo quy định pháp luật về đầu tư, đường bộ).

b) *Cách thức thực hiện:* Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) *Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình văn bản của cơ quan tham mưu thuộc Ủy ban nhân dân các cấp. Nội dung gồm các nội dung:

- + Mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng;
- + Người được giao quản lý thực hiện xây dựng công trình;
- + Thực hiện xây dựng công trình khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông theo quy định tại Điều 13 và Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT (đối với công trình đường bộ đang khai thác). Các giải pháp khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật về xây dựng, về phòng, chống thiên tai (đối với dự án đầu tư, xây dựng đường bộ mới hoặc nâng cấp, mở rộng, cải tạo);
- + Thời gian xây dựng công trình;
- + Dự kiến chi phí, nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Căn cứ quy chế về công tác văn thư tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan tham mưu thuộc Ủy ban nhân dân các cấp
- Cơ quan, đơn vị tham mưu thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu công trình đường bộ.

e) Cơ quan, người giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan đại diện chủ sở hữu công trình đường bộ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường

bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.

5. Thủ tục thẩm định, phê duyệt Hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với quốc lộ, đường cao tốc

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thi công trên hiện trường, cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao có trách nhiệm trình hồ sơ đến cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao để thẩm định, phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thi công trên hiện trường, doanh nghiệp được nhà nước giao đối với công trình đường bộ được giao quản lý có trách nhiệm trình hồ sơ đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu để thẩm định, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan lập hồ sơ;

+ Thuyết minh phương án khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông;

+ Văn bản chỉ đạo điều hành, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai như: công điện hoặc văn bản hoặc lệnh điều động; văn bản chỉ đạo về quy mô, giải pháp sửa chữa, gia cố khắc phục của cơ quan có thẩm quyền;

+ Báo cáo ban đầu kèm theo một số ảnh chụp về thiệt hại do thiên tai gây ra của cơ quan lập hồ sơ hoặc nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ;

+ Biên bản xác nhận khối lượng đã thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông, kèm theo bản kê khối lượng chi tiết đã thực hiện. Thành phần ký biên bản gồm: Đối với trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản này và nhà thầu khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trong trường hợp nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên không thực hiện công việc này. Đối với trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông tại các dự án thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 16 Thông tư 40/2024/TT-BGTVT);

+ Bản vẽ hoàn công;

+ Dự toán kinh phí cho công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông đã thực hiện, kèm các bản thuyết minh tính toán chi tiết;

+ Biên bản xác minh thiệt hại lập tại hiện trường (gồm các thông tin: vị trí, lý trình; mô tả, đánh giá mức độ thiệt hại, hư hỏng công trình đường bộ; sơ bộ khối lượng hư hỏng; đề xuất phương án xử lý, khắc phục); Thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 16 Thông tư 40/2024/TT-BGTVT);

+ Các bản vẽ kỹ thuật thi công thể hiện khối lượng, kết cấu công trình tạm;

+ Nhật ký thi công xây dựng công trình và các hình ảnh ghi nhận quá trình thi công xây dựng công trình, bảng chấm công trực điều tiết, phân luồng bảo đảm giao thông;

+ Tờ trình nêu trên là bản chính, hoặc biểu mẫu điện tử; thành phần hồ sơ còn lại quy định tại khoản này là bản sao.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Doanh nghiệp được nhà nước giao đầu tư.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

h) Phí, Lệ phí: theo quy định hiện hành.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường

bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.

- Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về quản lý đường bộ, trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đối với đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

II. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án phát triển công viên, cây xanh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư phát triển mới) hoặc đơn vị đang quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hiện có hoặc tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được bàn giao cho Nhà nước quản lý) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh (trong đó xác định rõ đối tượng được giao quản lý tài sản): 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý theo Phụ lục tại Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

+ Hồ sơ pháp lý của tài sản đề nghị giao quản lý (Quyết định giao, điều chuyển tài sản; Quyết định xác lập sở hữu toàn dân; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ khác có liên quan đến tài sản đề nghị giao quản lý (nếu có): 01 bản sao.

+ Dự thảo Quyết định giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án phát triển công viên, cây xanh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư phát triển mới) hoặc đơn vị đang quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hiện có hoặc tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được bàn giao cho Nhà nước quản lý).

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (theo Phụ lục tại Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN, CÂY XANH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc ...(1);

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại ..., thực hiện việc bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao⁽²⁾:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

2. Đại diện bên nhận:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

II. NỘI DUNG BÀN GIAO

1. Danh mục tài sản bàn giao: Kèm theo Phụ lục.

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao:

.....

3. Trách nhiệm của các bên:

a) Trách nhiệm của bên giao:.....

b) Trách nhiệm của bên nhận:.....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....

Biên bản bàn giao được lập thành 04 bản. Mỗi bên (bên nhận và bên giao) giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ số, ngày tháng, trích yếu Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh của cấp có thẩm quyền.
- (2) Trường hợp đơn vị đang quản lý tài sản tiếp tục được giao quản lý tài sản, đại diện bên giao do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.

Phụ lục

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN, CÂY XANH
ĐỀ NGHỊ GIAO QUẢN LÝ**

(Vị trí/Địa điểm của tài sản: Công viên/Đường/ Đoạn đường/Quảng trường/...)

I. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÂY XANH

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm đầu tư, đưa vào sử dụng	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm bàn giao	Tình trạng tài sản		Ghi chú
							Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn đối với cây bóng mát (m)	Tình trạng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cây xanh đứng đang sống								
2	Thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh (chống cây, camera bảo vệ,...)								
...	...								

Ghi chú:

- Cột (5): Năm cây xanh đứng đang sống được trồng hoặc năm thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh được lắp đặt (nếu có).
- Cột (7): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm bàn giao (nếu có).
- Cột (9): Ghi cho thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh: Đang sử dụng hoặc Không sử dụng.

II. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHÁC CỦA CÔNG VIÊN

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm đầu tư	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm bàn giao	Tình trạng tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Công trình xây dựng										
2	Thiết bị										
...	...										

Ghi chú:

- Cột (7): Diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng (áp dụng đối với tài sản là nhà, đất).
- Cột (8): Áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Cột (10): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm bàn giao (nếu có).
- Cột (11): Ghi: Đang sử dụng hoặc Không sử dụng.

2. Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính; Đề xuất hình thức xử lý tài sản; giá khởi điểm để đấu giá bán tài sản (nếu có); phương án quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (nếu có) và dự kiến kinh phí thực hiện xử lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản pháp lý liên quan:

+ Văn bản đề nghị xử lý tài sản của đơn vị khai thác tài sản trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của đơn vị nhận tài sản trong trường hợp điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản xác định tài sản bị mất, hủy hoại và các hồ sơ chứng minh tài sản bị mất, hủy hoại trong trường hợp tài sản bị mất, hủy hoại: 01 bản sao;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Dự thảo Quyết định xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị xử lý (theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN,
CÂY XANH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ**

I. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÂY XANH

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng / Khối lượng	Năm đầu tư, đưa vào sử dụng	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm đề nghị xử lý	Tình trạng tài sản		Hình thức xử lý	Ghi chú
							Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn đối với cây bóng mát (m)	Tình trạng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Cây xanh									
2	Thiết bị phụ trợ									
...	...									

Ghi chú:

- Cột (5): Năm cây xanh đứng đang sống được trồng hoặc năm thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh được lắp đặt (nếu có).
- Cột (7): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm đề nghị (nếu có).
- Cột (9): Ghi cho thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh: Đang sử dụng hoặc Không sử dụng.
- Cột (10): Ghi cụ thể hình thức xử lý theo quy định tại Điều 87 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với vật liệu, vật tư thu hồi từ chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đề nghị xử lý theo hình thức bán thì ghi rõ hình thức bán đấu giá, bán niêm yết giá, bán chỉ định trong trường hợp đã xác định được phương thức bán cụ thể.
- Cột (11): Ghi cụ thể trường hợp áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 89, khoản 1 Điều 90, khoản 1, 2 Điều 92, Điều 93 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

II. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHÁC CỦA CÔNG VIÊN

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm đầu tư	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (1) (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (2) (m ²)	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm đề nghị xử lý(3)	Tình trạng tài sản (4)	Hình thức xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Công trình xây dựng											
2	Thiết bị											
...	...											

Ghi chú:

- Cột (7): Diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng (áp dụng đối với tài sản là nhà, đất).
- Cột (8): Áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Cột (10): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm đề nghị (nếu có).
- Cột (11): Ghi: Đang sử dụng hoặc Hỏng không sử dụng.
- Cột (12): Ghi cụ thể hình thức xử lý theo quy định tại Điều 87 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
- Cột (13): Ghi cụ thể trường hợp áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 89, khoản 1 Điều 90, khoản 1, 2 Điều 92, Điều 93 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐƯỢC
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản (theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

4. Thủ tục phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- + Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;
- + Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;
- + Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 60 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...-ĐA

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN
(Phương thức khai thác: Cho thuê hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên)

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...;
- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao quản lý tài sản.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị được giao quản lý tài sản.
- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 02 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi,...) của đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có).
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng công viên

1.1. Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng công viên được đề xuất trong phương án khai thác.

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên

2.1. Phương án khai thác tài sản

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: tên tài sản; vị trí, địa điểm; số lượng, khối lượng; năm đầu tư, năm đưa vào khai thác; nguyên giá, giá trị còn lại hoặc giá trị tại thời điểm lập phương án theo định giá; tình trạng tài sản (đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn đối với cây bóng mát); phương thức khai thác tài

sản (cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác).

b) Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản hiện có được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (đối với phương án khai thác tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản).

c) Thời hạn khai thác tài sản.

d) Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

đ) Phương án tổ chức thực hiện đấu giá.

e) Phương thức thanh toán.

g) Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn khai thác tài sản hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác

a) Sự cần thiết, sự phù hợp của phương án khai thác với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

b) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí);

c) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

d) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng công viên.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**XÁC NHẬN CỦA
 CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
 VỀ CÔNG VIÊN, CÂY XANH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)